

HƯỚNG DẪN CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NGOÀI ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC THEO THÔNG TƯ 12/2017/TT-BGDĐT
TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Giải thích:

Các đối tác, các mạng lưới và các quan hệ đối ngoại là phần mở rộng của cơ sở giáo dục. Đây là những nguồn lực và khả năng mà cơ sở giáo dục có thể tận dụng và làm gia tăng giá trị cho mình. Các tổ chức này sẽ giúp cơ sở giáo dục đạt được các mục tiêu chiến lược của mình và mang lại lợi ích cho các bên liên quan. Lợi ích có thể bao gồm việc làm phong phú thêm kinh nghiệm học tập của sinh viên, tăng khả năng trao đổi sinh viên, chuyển đổi tín chỉ, cải thiện hệ thống và quy trình, giáo dục xuyên biên giới, các chương trình hợp tác hoặc phối hợp đào tạo và nghiên cứu khoa học v.v.

| Tiêu chí Phân loại | 8.1 P | 8.2 D | 8.3 C | 8.4 A |
|---|---|---|--|---|
| Tiêu chí (theo TT12) (1) | TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. | TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. | TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. |
| Mô tả yêu cầu của tiêu chí theo công văn 1668 (2) | Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. | Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. | Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. |
| Mốc chuẩn tham chiếu tối thiểu để đánh giá tiêu chí đạt mức 4 theo công văn 1668 (3) | 1. Có bộ phận chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định. 2. Có văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại; có các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD; có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại; quản lý cán bộ, GV, nhân viên của CSGD đi công tác, học tập trong và ngoài nước. 3. Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được phổ biến đến các bên liên quan trong CSGD. | 1. Triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch; thực hiện các thỏa thuận đã ký kết. 2. Triển khai hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH với đối tác trong và ngoài nước. 3. Chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước được triển khai thực hiện. 4. Chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác ngoài nước được triển khai thực hiện. | 1. Hằng năm rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước . 2. Hằng năm rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ ngoài nước . | 1. Có phát triển về số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại hoặc về kết quả hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. 2. Thực hiện các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược. |
| Gợi ý nguồn minh chứng theo công văn 1668 (4) | - Văn bản thành lập/giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại*. - Văn bản quản lý về hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế*. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác trong và ngoài nước*. - Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD*. | - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có hoạt động phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại trong nước, quốc tế; các kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại*. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác*. - Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD*. - Thống kê về các hội nghị/hội thảo đồng tổ chức (tên, thời gian, địa điểm, đối tác, kinh phí phân bổ giữa các bên). - Ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, nhân viên và các bên liên quan. - Thống kê về mạng lưới, mối quan hệ, đối tác. | - Các báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm về hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch đối ngoại phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác. - Các báo cáo đánh giá tác động dự án đối ngoại (nếu có). | - Thông tin về đối ngoại trên trang thông tin điện tử của CSGD. - Các báo cáo tổng kết, đánh giá, cải thiện hằng năm về hoạt động đối ngoại*. - Kế hoạch chiến lược của CSGD trong đó có kế hoạch đối ngoại phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. - Các hợp đồng, ký kết hợp tác, bản ghi nhớ, thỏa thuận, ... giữa CSGD và đối tác. |

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

| Tiêu chí | 8.1 | 8.2 | 8.3 | 8.4 |
|--|--|--|---|---|
| Phân loại | P | D | C | A |
| <p>Tiêu chí (theo TT12) (1)</p> | <p>TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.</p> | <p>TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.</p> | <p>TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.</p> | <p>TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD.</p> |
| <p>Văn bản pháp quy của Nhà nước, Bộ GDĐT, đơn vị chủ quản và văn bản của nhà trường mà chuyên gia cần tham chiếu (5)</p> | <p>- Văn bản của Đảng/Nhà nước: + Chỉ thị 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài. + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009, Điều 108; + Luật số 34 Luật sửa đổi một số điều của Luật GDDH (Điều 43, 44, 45); + Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13) + Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; + Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật + QĐ số 06/2020/QĐ-TTg về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam ngày 21/02/2020; - Văn bản của các bộ: + Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018; + Thông tư 17/2014/TT-BGDĐT về quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức, ngày 26/5/2014; + Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG của Bộ Công An – Bộ Ngoại Giao về việc “Hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam;</p> | <p>- Văn bản của Đảng/Nhà nước: + Chỉ thị 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài. + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009, Điều 108; + Luật số 34 Luật sửa đổi một số điều của Luật GDDH (Điều 43, 44, 45); + Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13) + Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; + Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật + QĐ số 06/2020/QĐ-TTg về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam ngày 21/02/2020; - Văn bản của các bộ: + Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018; + Thông tư 17/2014/TT-BGDĐT về quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức, ngày 26/5/2014; + Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG của Bộ Công An – Bộ Ngoại Giao về việc “Hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam;</p> | <p>- Văn bản của Đảng/Nhà nước: + Chỉ thị 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài. + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009, Điều 108; + Luật số 34 Luật sửa đổi một số điều của Luật GDDH (Điều 43, 44, 45); + Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13) + Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; + Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật + QĐ số 06/2020/QĐ-TTg về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam ngày 21/02/2020; - Văn bản của các bộ: + Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018; + Thông tư 17/2014/TT-BGDĐT về quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức, ngày 26/5/2014; + Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG của Bộ Công An – Bộ Ngoại Giao về việc “Hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 16/10/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của NĐ số 113/2014. + Thông tư 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối</p> | <p>- Văn bản của Đảng/Nhà nước: + Chỉ thị 38-CT/TW ngày 21/7/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường quản lý các đoàn đi công tác nước ngoài. + Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25/11/2009, Điều 108; + Luật số 34 Luật sửa đổi một số điều của Luật GDDH (Điều 43, 44, 45); + Luật nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam (Luật số 47/2014/QH13) + Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; + Nghị định số 94/2015/NĐ-CP ngày 16/10/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 về việc xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật + QĐ số 06/2020/QĐ-TTg về việc tổ chức và quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam ngày 21/02/2020; - Văn bản của các bộ: + Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018; + Thông tư 17/2014/TT-BGDĐT về quy chế quản lý việc ra nước ngoài của cán bộ, công chức và viên chức, ngày 26/5/2014; + Thông tư liên tịch số 08/2009/TTLT/BCA-BNG của Bộ Công An – Bộ Ngoại Giao về việc “Hướng dẫn việc cấp hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành ở nước ngoài theo Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17/8/2007 của Chính phủ về Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam; + Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 16/10/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của NĐ số 113/2014. + Thông tư 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN</p> |

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

| Tiêu chí Phân loại | 8.1 P | 8.2 D | 8.3 C | 8.4 A |
|---|---|--|---|--|
| Tiêu chí (theo TT12) (1) | TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. | TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. | TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. |
| | + Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 16/10/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của ND số 113/2014. + Thông tư 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN + Thông tư 56/2012/TT-BGDĐT ngày 25/12/2012 Quy định quản lý nhiệm vụ hợp tác quốc tế song phương về KHCN cấp bộ - Văn bản của Nhà trường: Quy định/Quy chế/Hướng dẫn về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường; và/hoặc các văn bản quản lý khác có liên quan tới lĩnh vực hợp tác đối ngoại. | + Thông tư số 07/2015/TT-BTP ngày 16/10/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số quy định của ND số 113/2014. + Thông tư 82/2007/TT-BTC, ngày 12/7/2007 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN - Văn bản của Nhà trường: + Quy định/Quy chế/Hướng dẫn về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường; và/hoặc các văn bản quản lý khác có liên quan tới lĩnh vực hợp tác đối ngoại; + Văn bản về chính sách trong hoạt động hợp tác, đối ngoại. | với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu NSNN. - Văn bản của Nhà trường: + Quy định/Quy chế/Hướng dẫn về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường; và/hoặc các văn bản quản lý khác có liên quan tới lĩnh vực hợp tác đối ngoại; + Văn bản về chính sách trong hoạt động hợp tác, đối ngoại. | - Văn bản của Nhà trường: + Quy định/Quy chế/Hướng dẫn về quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường; và/hoặc các văn bản quản lý khác có liên quan tới lĩnh vực hợp tác đối ngoại; + Văn bản về chính sách trong hoạt động hợp tác, đối ngoại. |
| Thông tin hỗ trợ đánh giá (từ dữ liệu Báo cáo Tự đánh giá và các Bảng biểu do Nhà trường và Trung tâm KĐCLGD cung cấp) (6) | Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Nhà trường để so chiếu và đánh giá sự phù hợp của kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại. | - Số đối tác quốc tế của Nhà trường - Số các thỏa thuận hợp tác nước ngoài đã ký kết/đang được triển khai - Số các chương trình đào tạo liên kết quốc tế đang triển khai - Các dữ liệu về kết quả hợp tác: Số giảng viên, người học đi trao đổi; đến trao đổi; số giảng viên, người học quốc tế; Số đề tài, dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế; số hội thảo/hợp tác quốc tế | - Số đối tác quốc tế của Nhà trường - Số các thỏa thuận hợp tác nước ngoài đã ký kết/đang được triển khai - Số các chương trình đào tạo liên kết quốc tế đang triển khai; ký kết mới trong giai đoạn đánh giá - Các dữ liệu về kết quả hợp tác quốc tế như: Số giảng viên, người học đi trao đổi; số giảng viên, người học quốc tế đến trao đổi/giảng dạy/nghiên cứu; Số đề tài, dự án nghiên cứu hợp tác quốc tế; số hội thảo/hợp tác quốc tế; số công bố quốc tế chung | - Dữ liệu thể hiện sự cải thiện mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại như sự gia tăng số lượng, chất lượng đối tác mới. - Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược của Nhà trường để so chiếu và đánh giá sự phù hợp tương ứng của việc cải thiện mạng lưới và quan hệ đối ngoại |
| Rubric Indicators Các câu hỏi chẩn đoán ứng với mô tả tiêu chí (thiết kế theo P-D-C-A) (7) | 1. Nhà trường có bộ phận chức năng phụ trách việc xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát hoạt động đối ngoại không? Có theo đúng quy định không? 2. Nhà trường có quy định chức năng, nhiệm vụ của bộ phận chuyên trách nêu trên bằng văn bản không? 3. Nhà trường có kế hoạch (dài hạn, trung hạn hoặc ngắn hạn) về phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường? Các kế hoạch này có nêu rõ mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm, nguồn lực thực hiện không? 4. Nhà trường có quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại? Quản | 1. Bao nhiêu thỏa thuận hợp tác của Nhà trường với đối tác được ký kết đã được triển khai? 2. Các hoạt động Nhà trường để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đã ký kết với đối tác nước ngoài? 3. Nhà trường có triển khai hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi GV, NH với những đối tác nào? Kết quả như thế nào? Các hoạt động này thuộc thỏa thuận, kế hoạch hợp tác nào? 4. Mô tả việc triển khai các chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, các mối quan hệ, đối tác trong nước và kết quả 5. Nhà trường có những chính sách, chủ trương nào để phát triển các mạng lưới, các mối quan | 1. Nhà trường có thực hiện việc rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại không? Nếu có, việc này được thực hiện hàng năm hay bao nhiêu năm/lần? 2. Việc rà soát, đánh giá hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ nước ngoài có được thực hiện dựa trên kế hoạch, mục đích, căn cứ, tiêu chí được xây dựng từ trước không? 3. Trong quá trình rà soát, Nhà trường có phân tích kết quả, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được, nhận diện các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp làm cơ sở để cải thiện, đổi mới trong lĩnh vực hợp tác đối ngoại không? 4. Kết quả việc rà soát, đánh giá hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ ngoài nước được thể hiện như thế nào? VD: Điều chỉnh văn bản quy định về hợp tác quốc tế; sự tăng/giảm giảng viên/sinh viên quốc tế; | 1. Nhà trường có kế hoạch cải thiện đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược không? 2. Việc triển khai kế hoạch trên do bộ phận nào thực hiện? 3. Xu hướng phát triển của đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại như thế nào? gia tăng hay giảm đi? 4. Những kết quả đạt được từ hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá là gì? 5. Sự phát triển về đối tác và các kết quả đạt được từ hoạt động đối ngoại có giúp Nhà trường đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược không? 6. Nhà trường có hoặc đã áp dụng những biện pháp nào để cải thiện các quan hệ hợp tác với các đối tác, |

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

| Tiêu chí Phân loại | 8.1 P | 8.2 D | 8.3 C | 8.4 A |
|--|---|--|--|---|
| Tiêu chí (theo TT12) (1) | TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. | TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. | TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. |
| | <p>lý cán bộ, GV, nhân viên của CSGD đi công tác, học tập trong và ngoài nước?</p> <p>5. Mục đích thiết lập các đối tác hoặc các mối quan hệ đối ngoại phù hợp như thế nào với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường?</p> <p>6. Mạng lưới đối tác hiện tại của Nhà trường phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường?</p> <p>7. Những lợi ích các quan hệ đối ngoại mang lại cho Nhà trường và các bên liên quan phục vụ cho việc thực hiện sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược như thế nào?</p> <p>8. Nhà trường có tiêu chí lựa chọn, đánh giá và đổi mới quan hệ đối tác không?</p> | <p>hệ, đối tác ngoài nước được triển khai thực hiện?</p> | <p>tăng/giảm đối tác... Có vi phạm gì trong hoạt động hợp tác đối ngoại không?</p> | <p>mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược?</p> <p>7. Hiệu quả của các biện pháp này mang lại cho Nhà trường, cho các bên liên quan như thế nào?</p> |
| Evidences Tên các minh chứng ứng với phân trả lời câu hỏi chẩn đoán <i>(liệt kê tên, và nên có file MC kèm theo)</i> (8) | <ul style="list-style-type: none"> Văn bản/Quyết định thành lập bộ phận chức năng phụ trách xây dựng kế hoạch, theo dõi, giám sát hoạt động đối ngoại Bản vẽ kế hoạch được phê duyệt về phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD, dài hạn, trung hạn và ngắn hạn hoặc các văn bản khác nhưng có nội dung về kế hoạch này Các văn bản quản lý về hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế (Hướng dẫn về hoạt động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế; Quy chế quản lý người học nước ngoài/giảng viên người nước ngoài – nếu có...) Danh mục Biên bản ghi nhớ hợp tác trong 5 năm/giai đoạn đánh giá Biên bản ghi nhớ hợp tác Hợp đồng hợp tác/thỏa thuận hợp tác Các kết quả do hợp tác đối ngoại mang lại: cơ sở vật chất được đầu tư; dự án hợp tác nghiên cứu/đào tạo; công bố chung; phát minh/sáng chế chung; giảng viên/người học được đào tạo/bồi dưỡng... | <ul style="list-style-type: none"> Văn bản trong đó có tuyên bố chính sách thuộc lĩnh vực hợp tác, đối ngoại. Kế hoạch, chiến lược của Nhà trường trong đó có hoạt động phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại Danh mục Biên bản ghi nhớ hợp tác trong 5 năm/giai đoạn đánh giá Các bản thỏa thuận hợp tác (copy) Danh mục đối tác theo từng năm Các hợp đồng hợp tác ký kết Cơ sở dữ liệu thống kê liên quan | <ul style="list-style-type: none"> Các minh chứng về việc rà soát: Kế hoạch; Biên bản làm việc; Bảng thu thập dữ liệu; Bản phân công nhiệm vụ rà soát... Danh mục Biên bản ghi nhớ hợp tác trong 5 năm/giai đoạn đánh giá Danh mục đối tác từng năm, trong giai đoạn đánh giá 5 năm Các bảng thống kê theo năm học số giảng viên quốc tế; sinh viên quốc tế; CTĐT liên kết; số giảng viên, sinh viên trao đổi Danh mục sản phẩm hợp tác chung: Công trình công bố chung (bài báo khoa học, sách/chương sách, sản phẩm chuyển giao...) | <ul style="list-style-type: none"> Các văn bản thể hiện kế hoạch rà soát mạng lưới đối tác, hợp tác Danh mục Biên bản ghi nhớ hợp tác trong 5 năm/giai đoạn đánh giá Danh mục đối tác từng năm, trong 5 năm Các bảng thống kê theo năm học số giảng viên quốc tế; sinh viên quốc tế; CTĐT liên kết; số giảng viên quốc tế; số sinh viên quốc tế Danh mục sản phẩm đạt được từ hoạt động hợp tác phục vụ đạt được sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển Báo cáo tổng kết năm học |
| Interview Phỏng vấn các bên liên quan (Check các thông tin phục vụ trả lời cho | <ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo bộ phận chức năng phụ trách công tác đối ngoại về việc xây dựng kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD; cách thức xây dựng kế hoạch này. | <ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về việc xây dựng/có hay không các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | <ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về chủ trương/định hướng/quan điểm rà soát, đánh giá các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại CBQL bộ phận hợp tác đối ngoại: Cách thức thực hiện rà soát, đánh giá các đối tác, mạng lưới và | <ul style="list-style-type: none"> Lãnh đạo Nhà trường về những cải thiện trong mạng lưới, hệ thống đối tác và quan hệ đối ngoại. CBQL bộ phận hợp tác đối ngoại về kết quả hoạt động hợp tác nhằm đạt sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu chiến lược |

© Bản quyền thuộc Trung tâm KĐCLGD-ĐHQGHN

| Tiêu chí | 8.1 | 8.2 | 8.3 | 8.4 |
|---|--|---|---|---|
| Phân loại | P | D | C | A |
| Tiêu chí (theo TT12) (1) | TC 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. | TC 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện. | TC 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát. | TC 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD. |
| câu hỏi chẩn đoán) (9) | <ul style="list-style-type: none"> Giảng viên về việc tham gia vào xây dựng kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại; một số hoạt động đối ngoại giảng viên tham gia | <ul style="list-style-type: none"> Giảng viên về việc thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ đối ngoại Người học và cựu người học về cơ hội học tập, giao lưu, trao đổi với đối tác quốc tế | <ul style="list-style-type: none"> quan hệ đối ngoại; hiệu quả của việc rà soát đánh giá Giảng viên và người học về hiệu quả các hoạt động hợp tác đối ngoại. Người học và cựu người học về cơ hội học tập, giao lưu, trao đổi với đối tác quốc tế | <ul style="list-style-type: none"> Giảng viên về những cải thiện về hợp tác quốc tế trong giảng dạy, nghiên cứu. Người học và cựu người học về hiệu quả/những cải thiện trong các hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến người học |
| Quan sát (Check các thông tin phục vụ trả lời cho câu hỏi chẩn đoán) (10) | <ul style="list-style-type: none"> Mục tiêu của hợp tác đối ngoại nêu trong các văn bản kế hoạch và sự phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường Các đối tác, hợp tác mà Nhà trường đang triển khai so với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn, kế hoạch năm học hằng năm để thấy được các kế hoạch này có bám sát sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược phát triển không Thông tin về hoạt động đối ngoại trên website của Trường; website của các Khoa/bộ môn. Thông tin về hệ thống các văn bản, quy định, hướng dẫn trong lĩnh vực hợp tác đối ngoại | <ul style="list-style-type: none"> Thông tin về hoạt động đối ngoại; hợp tác quốc tế được đăng tải trên website. Số công trình nghiên cứu, công bố có đồng tác giả quốc tế. Các chương trình nghiên cứu, trao đổi giảng viên, người học với đối tác quốc tế đang được triển khai Bản tin của Nhà trường (bản in hoặc bản điện tử trên website) Sự xuất hiện của giảng viên, người học quốc tế trong khuôn viên | <ul style="list-style-type: none"> Thông tin đăng tải trên website của Nhà trường về: Các đối tác mới được phát triển có ký kết ghi nhớ hợp tác hoặc có triển khai hợp tác trong giai đoạn 5 năm đánh giá Sự phù hợp đối tác mới, hợp tác mới với sứ mạng, chiến lược phát triển của Nhà trường Các báo cáo tổng kết năm học Văn bản quản lý, điều hành trong lĩnh vực hợp tác đối ngoại được điều chỉnh hoặc ban hành mới trong giai đoạn 5 năm đánh giá | <ul style="list-style-type: none"> Thông tin về hoạt động đối ngoại; hợp tác quốc tế được đăng tải trên website. Số công trình nghiên cứu, công bố có đồng tác giả quốc tế. Các chương trình nghiên cứu, trao đổi giảng viên, người học với đối tác quốc tế đang được triển khai Bản tin của Nhà trường (bản in hoặc bản điện tử trên website) Sự xuất hiện của giảng viên, người học quốc tế trong khuôn viên |
| Tiêu chí liên quan (chuyên gia xem xét các tiêu chí liên quan khác để check thông tin và điểm số) (11) | Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4 | Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4 | Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4 | Tiêu chuẩn 1: 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 Tiêu chuẩn 2: 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 Tiêu chuẩn 3: 3.1, 3.2, 3.3, 3.4 Tiêu chuẩn 4: 4.1, 4.2, 4.3, 4.4 Tiêu chuẩn 5: 5.1, 5.3, 5.4 |
| Kinh nghiệm trong quá trình ĐGN (12) | Kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại có thể được thể hiện trong Chiến lược phát triển, kế hoạch trung hạn hoặc kế hoạch năm học hằng năm | Đánh giá các chính sách và hiệu quả thúc đẩy hợp tác đối ngoại của Nhà trường qua số lượng đối tác, số lượng các hợp tác triển khai, sản phẩm mang lại từ hợp tác (cơ sở vật chất, hạ tầng, công bố khoa học, sản phẩm chuyển giao...) | Việc rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại có thể được thực hiện dưới hình thức tổng kết hằng năm, thể hiện trong báo cáo tổng kết năm học; hoặc báo cáo tổng kết theo giai đoạn 5 năm và trong các kế hoạch nhiệm vụ năm học hoặc kế hoạch trung hạn (3 năm, 5 năm...); hoặc không được thực hiện một cách tổng thể, mà tổng kết hoặc đánh giá từng hoạt động | So sánh/đối sánh sự phát triển số lượng, chất lượng các đối tác, hợp tác đối ngoại trong giai đoạn 5 năm đánh giá và sự phù hợp với sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường, làm căn cứ để cải tiến chất lượng trong lĩnh vực đối ngoại |